

Số: 48/NQ-HĐND

Bắc Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương huyện Bắc Yên năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Xét Tờ trình số 2610/TTr-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-BKTXH ngày 16/12/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu, chi Ngân sách địa phương huyện Bắc Yên năm 2023 như sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương 2023: 646.193.000.000 đồng.

1. Thu trên địa bàn: 151.500.000.000 đồng;

- Thu từ XNQD:	10.000.000	đồng;
- Thu ngoài quốc doanh:	102.300.000.000	đồng;
- Thuế thu nhập cá nhân:	1.500.000.000	đồng;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	28.000.000	đồng;
- Thu tiền thuê đất, mặt nước:	200.000.000	đồng;
- Thu tiền sử dụng đất:	32.000.000.000	đồng;
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển:	7.897.000.000	đồng;
- Lệ phí trước bạ:	4.300.000.000	đồng;
- Phí và lệ phí:	1.000.000.000	đồng;
- Thu khác ngân sách:	2.265.000.000	đồng;

2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 494.693.000.000 đồng.

- Thu bổ sung cân đối, mục tiêu ngân sách:	494.693.000.000	đồng;
--	-----------------	-------

Trong đó:

+ Ngân sách huyện:	412.179.470.000	đồng;
+ Ngân sách xã:	82.513.530.000	đồng;

II. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 là: 615.240.000.000 đồng.

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản 19.270.000.000 đồng:

- Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất:	6.500.000.000	đồng;
- Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung nguồn bổ sung cân đối được phân cấp:	12.770.000.000	đồng.

2. Chi thường xuyên 484.264.000.0000 đồng;

- Chi sự nghiệp kinh tế:	27.112.000.000	đồng;
- Chi sự nghiệp giáo dục:	311.616.000.000	đồng;
- Chi sự nghiệp Truyền thông – Văn hóa:	6.076.000.000	đồng;
- Chi đảm bảo xã hội:	23.723.000.000	đồng;
- Chi trung tâm chính trị:	1.902.000.000	đồng;

- Chi quản lý hành chính:	102.676.000.000	đồng;
- Chi quốc phòng, an ninh:	8.487.000.000	đồng;
- Chi khác ngân sách:	971.000.000	đồng;
- Chi đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG (Ngân sách tỉnh):	1.000.000.000	đồng;
- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	700.000.000	đồng;
3. Chi Chương trình MTQG, Chương trình mục tiêu:	101.430.000.000	đồng;
+ Vốn đầu tư:	52.455.000.000	đồng;
+ Vốn sự nghiệp:	51.327.000.000	đồng;
4. Dự phòng ngân sách:	10.277.000.000	đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Bắc Yên khóa XVIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / *hsg*

Nơi nhận:

- TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND, UB MTTQ VN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm thông tin tỉnh; Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TC-KH, 125 bản. *ey*

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)



Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	510.278.000	698.005.229	646.193.000	-51.812.229	92,6
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	131.500.000	161.360.000	151.500.000	-9.860.000	93,9
-	Thu NSDP hưởng 100%	92.820.000	142.584.825	109.338.000	-33.246.825	76,7
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	38.680.000	18.775.175	42.162.000	23.386.825	224,6
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	378.778.000	481.411.600	494.693.000	13.281.400	102,8
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	378.778.000	377.159.900	393.263.000	16.103.100	104,3
	Trong đó:					
2	Thu bổ sung có mục tiêu		104.251.700	101.430.000	-2.821.700	97,3
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		1.283.116			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		53.929.876			
VIII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên cấp trên		20.636			
B	TỔNG CHI NSDP	501.602.000	602.602.612	615.240.000	12.637.388	102,1
I	Tổng chi cân đối NSDP	501.602.000	529.269.612	513.810.000	-15.459.612	97,1
1	Chi đầu tư phát triển (1)	39.870.000	25.864.700	19.270.000	-47.521.232	74,5
2	Chi thường xuyên	451.700.000	493.372.912	484.263.000	-26.281.369	98,2
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					
5	Dự phòng ngân sách	10.032.000	10.032.000	10.277.000	245.000	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	73.333.000	101.430.000	28.097.000	138,3
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	73.333.000	101.302.000	27.969.000	138,1
	- Chương trình MTQG phát triển kinh tế hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	59.247.500	91.009.000	31.761.500	153,6
	+ <i>Vốn đầu tư</i>		35.449.500	50.505.000	15.055.500	
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>		23.798.000	40.504.000	16.706.000	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
	- Chi chương trình MTQG giảm nghèo	-	6.987.000	7.908.000	921.000	
	+ <i>Vốn đầu tư</i>		101.000		-101.000	
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>		6.886.000	7.908.000	1.022.000	
	- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		7.098.500	2.385.000	-4.713.500	
	+ <i>Vốn đầu tư</i>		6.449.500	1.950.000		
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>		649.000	435.000		
2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (Vốn sự nghiệp)			128.000	128.000	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêm

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	161.360.000	152.494.825	151.500.000	120.547.000	93,9	79,0
I	Thu nội địa	155.300.000	146.434.825	151.500.000	120.547.000	97,6	82,3
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	6.825	6.825	10.000	10.000	146,5	146,5
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	128.562.000	126.562.000	102.300.000	102.300.000	79,6	80,8
	- Thuế GTGT	66.843.000	64.843.000	41.100.000	41.100.000	61,5	63,4
	- Thuế TNDN	1.071.000	1.071.000	1.200.000	1.200.000	112,0	112,0
	- Thuế Tài nguyên	60.648.000	60.648.000	60.000.000	60.000.000	98,9	98,9
	- Thuế TTDB			-	-		
	- Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.412.000	1.407.000	1.500.000	1.500.000	106,2	106,6
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-		
7	Lệ phí trước bạ	4.500.000	4.500.000	4.300.000	4.300.000	95,6	95,6
8	Thu phí, lệ phí	1.000.000	999.000	1.000.000	1.000.000	100,0	100,1
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	20.000	28.000	28.000		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.070.000	3.070.000	200.000	200.000	6,5	6,5
12	Thu tiền sử dụng đất	5.300.000	4.770.000	32.000.000	7.200.000	603,8	150,9
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	7.982.000	2.500.000	7.897.000	2.369.000	98,9	94,8
16	Thu khác ngân sách	3.447.175	2.600.000	2.265.000	1.640.000	65,7	63,1
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
21	Các khoản thu tại xã						
II	Thu các khoản huy động, đóng góp cơ sở hạ tầng	6.060.000	6.060.000				
III	Thu từ dầu thô						
IV	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêm



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	501.602.000	615.240.000	113.638.000	122,7
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	501.602.000	513.810.000	227.500	102,4
I	Chi đầu tư phát triển (1)	39.870.000	19.270.000	1.180.000	48,3
1	Chi đầu tư cho các dự án	39.870.000	19.270.000	1.180.000	48,3
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>				
-	<i>Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</i>				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	27.000.000	6.500.000	-20.500.000	24,1
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>			-	
-	<i>Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung</i>	12.870.000	12.770.000	-100.000	99,2
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên. Trong đó:	451.700.000	484.263.000	32.563.000	107,2
<i>I</i>	<i>Chi giáo dục - đào tạo</i>	284.472.000	313.518.000	29.046.000	110,2
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			0	
V	Dự phòng ngân sách	10.032.000	10.277.000	245.000	102,4
	- Dự phòng Ngân sách huyện	8.554.000	8.728.000	174.000	102,0
	- Dự phòng Ngân sách xã	1.478.000	1.549.000	71.000	104,8
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.220.000	6.550.000	1.330.000	
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	101.430.000	101.430.000	
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		91.009.000	91.009.000	
-	Vốn đầu tư		50.505.000	50.505.000	
-	Vốn sự nghiệp		40.504.000	40.504.000	
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		7.908.000	7.908.000	
-	Vốn đầu tư			-	
-	Vốn sự nghiệp		7.908.000	7.908.000	

ky

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
III	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	-	2.385.000	2.385.000	
-	Vốn đầu tư		1.950.000	1.950.000	
-	Vốn sự nghiệp		435.000	435.000	
IV	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (Vốn sự nghiệp)	-	128.000	128.000	
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêm